

PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM BẢO VỆ PHỤ NỮ KHỎI NHỮNG HÀNH VI BẠO LỰC

Đỗ Đức Hồng Hà*

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời năm 1930 đã đề ra một trong mười nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng Việt Nam là "nam, nữ bình quyền". Chủ tịch Hồ Chí Minh khi còn sống Người cho rằng, nói phụ nữ là nói phần nửa xã hội, nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người, nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa.

Tháng 9 năm 2000, cùng với 189 vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các quốc gia thành viên Liên hợp quốc, Việt Nam cam kết thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ và Chương trình nghị sự XXI (viết tắt bằng tiếng Anh là MDG). MDG có 8 mục tiêu, trong đó có mục tiêu quan trọng nhất là tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ¹.

Việt Nam là nước nằm trong khu vực Đông Nam Á, chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng Nho giáo và các tàn dư phong kiến... Đời sống kinh tế của đất nước còn nhiều khó khăn, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa... Tất cả những yếu tố đó đã và đang là những trở ngại và thách thức đối với việc bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực².

Để góp phần bảo vệ phụ nữ, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến các quy định và cơ sở của các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực; quan điểm và kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về bảo vệ phụ nữ khỏi

những hành vi bạo lực.

1. Cơ sở của các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

1.1. Cơ sở pháp lý của các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

Ở Việt Nam, nguyên tắc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, nghiêm cấm hành vi bạo lực đối với phụ nữ là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hệ thống pháp luật. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, ngày 09-11-1946, Hiến pháp 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta được ban hành, ghi nhận thắng lợi lớn lao của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ. Hiến pháp 1946 đã đánh dấu một giai đoạn lịch sử về vang của dân tộc ta trên con đường cách mạng chống thực dân và phong kiến. Trong đó ghi nhận quyền bình đẳng nam nữ trên mọi lĩnh vực, mọi phương diện của đời sống xã hội như một nguyên tắc hiến định, là tiến bộ mang tính xã hội có ý nghĩa vô cùng to lớn. Nó không những thể hiện tính cách mạng của một chế độ xã hội mới, mà còn phù hợp với xu thế tiến bộ trên thế giới.

Trải qua Hiến pháp các năm 1959 và 1980, chúng ta đã luôn tôn trọng và phát huy tinh thần cách mạng của bản Hiến pháp 1946. Cũng vì thế mà nguyên tắc bình đẳng nam, nữ ngày càng được hoàn thiện theo hướng các quyền của phụ nữ được bảo vệ tối đa và phấn đấu cho mục tiêu nam, nữ bình quyền. Đến Hiến pháp năm 1992 - bản Hiến pháp của thời kỳ đổi mới, chính sách bảo vệ quyền phụ nữ và nam, nữ bình đẳng càng được chú trọng. Tại Điều 63 Chương: "Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân", Hiến pháp 1992 có quy định: "Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân

* TS. Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

¹ Xem thêm: Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, *Báo cáo Quốc gia lần thứ 2 việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*, Hà Nội, 1998.

² Xem thêm: Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam *Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội, 2002.

phẩm phụ nữ³.

Trên cơ sở kế thừa tinh thần cách mạng của Hiến pháp 1946, với một kỹ thuật lập pháp hiện đại, Hiến pháp 1992 đã quy định đầy đủ hơn, chi tiết hơn và khoa học hơn các quyền của phụ nữ. Tại Điều 40 Chương: "Chế độ văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ" còn nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước, xã hội, gia đình và từng công dân Việt Nam trong việc chăm sóc, bảo vệ người phụ nữ. Với quy định này, các quyền của phụ nữ không còn mang tính hình thức mà đã thực chất hơn; việc bảo vệ quyền phụ nữ đã trở thành trách nhiệm không chỉ của cá nhân, gia đình và xã hội mà còn là trách nhiệm của Nhà nước.

Ngày 21-02-2005, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có Chỉ thị số 49-CT/TW về xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó nêu rõ: "*tình hình bạo lực gia đình gia tăng làm ảnh hưởng đến quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá ở nước ta*". Ngày 24-5-2005, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 48/NQ-TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và một trong những quan điểm chỉ đạo là xây dựng và hoàn thiện pháp luật về dân số, gia đình, trẻ em và chính sách xã hội. Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010) cũng đề ra nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống bạo lực trong gia đình. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010, trong đó có mục tiêu tăng cường phòng, chống bạo lực trong gia đình và giảm tỉ lệ bạo lực gia đình bình quân hàng năm từ 10-15%.

1.2. Cơ sở khoa học của các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

Các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

dựa trên những cơ sở khoa học sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ những đặc điểm tâm sinh lý của người phụ nữ. Từ lâu người phụ nữ đã quen với vị thế yếu kém của mình trong xã hội. Với tính khí và thể trạng yếu đuối hơn nam giới, nữ giới thường bị yếu thế trong các mối quan hệ với nam giới. Cũng chính vì điều này mà các quyền của họ dễ bị xâm phạm. Khi các quyền của họ bị xâm phạm thì phần lớn trong số họ thường không có khả năng tự bảo vệ hoặc chỉ có những phản ứng yếu ớt mang tính tiêu cực. Vì thế, cần có sự thông cảm, chia sẻ từ phía nam giới và sự bảo vệ từ phía Nhà nước và xã hội. Ngoài ra, do những đặc trưng về tâm sinh lý nên phần lớn phụ nữ dễ bị kích động, lời kéo và thiếu quyết đoán, họ cũng hay mắc những sai lầm trong ứng xử. Bởi vậy, ngoài việc tích cực bảo vệ các quyền của nữ giới, các nhà tâm lý học, tội phạm học và các nhà luật học luôn đi tìm những lý giải khi nữ giới có hành vi trái pháp luật, từ đó có chính sách xử lý phù hợp.

Thứ hai, xuất phát từ yêu cầu phải xoá bỏ những tàn dư, quan niệm của xã hội cũ về địa vị thấp hèn của người phụ nữ. Trước Cách mạng tháng Tám, Việt Nam là một nước thực dân nửa phong kiến. Những ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo và những hủ tục lạc hậu khiến người phụ nữ không có quyền làm chủ bản thân và xã hội. Địa vị của họ trong xã hội vô cùng thấp kém; nhân phẩm, danh dự và các lợi ích của họ thường xuyên bị chà đạp. Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, xã hội Việt Nam đánh dấu một bước tiến mới về giải phóng con người và bình đẳng xã hội. Trong xã hội mới, các giá trị của con người và địa vị của phụ nữ đã được cải thiện đáng kể; các quyền của phụ nữ ngày càng được nâng lên ngang quyền với nam giới, các hủ tục lạc hậu được đẩy lùi. Sự tiến bộ đó thể hiện tính nhân đạo, vì con người trong xã hội mới. Tuy nhiên, cho đến nay, mặc dù chúng ta đã có rất nhiều hành động để cải thiện điều đó, nhưng những ảnh hưởng của xã hội cũ vẫn còn hiện hữu trong mọi ngõ ngách, làng quê Việt Nam,

³ Xem thêm:- Ủy ban Quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, *Báo cáo Quốc gia lần thứ 2 việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*, Hà Nội, 1998.

- Nxb. Chính trị quốc gia, *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Hà Nội, 1995.

đòi hỏi phải có những ghi nhận sâu sắc hơn, cụ thể hơn trong hệ thống pháp luật, cũng như phải có cơ chế thực thi hiệu quả những quyền mà đáng ra họ - những người phụ nữ, những người chịu nhiều thiệt thòi, hi sinh nhất được hưởng.

Thứ ba, xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đang xây dựng một xã hội dân chủ, hiện đại và bình đẳng về mọi mặt. Nguyên tắc nhân đạo và vì con người là vũ khí sắc bén để chúng ta đấu tranh xoá bỏ những hủ tục lạc hậu và chiến thắng chủ nghĩa tư bản. Nhân đạo xã hội chủ nghĩa đã trở thành nếp ứng xử của các thể nhân, pháp nhân trong xã hội mới và chi phối không nhỏ đến chính sách hình sự đối với phụ nữ. Trong tổ chức cũng như trong hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên tắc nhân đạo có vai trò vô cùng quan trọng. Với mục tiêu phát triển do con người và vì con người, Nhà nước ta đã và đang có những chính sách cương quyết hơn trong việc chống lại mọi hành vi phân biệt đối xử giữa nam và nữ, quyết tâm xây dựng một xã hội bình đẳng, bác ái. Xuất phát từ nền tảng này, chính sách hình sự đối với phụ nữ của chúng ta cũng thể hiện quyết tâm bảo vệ các quyền của phụ nữ một cách quyết liệt hơn, triệt để hơn⁴.

1.3. Cơ sở thực tiễn của các quy định của pháp luật hình sự về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

Theo Tờ trình Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 1401-TT/UBXH ngày 25-10-2006 của Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, hiện nay ở nước ta do chưa được sự quan tâm đúng mức và cũng chưa có cơ quan nào của Nhà nước chịu trách nhiệm về phòng, chống bạo lực gia đình cho nên chưa có số liệu chính thức về tình hình bạo lực gia đình trong cả nước. Theo kết quả khảo sát chọn mẫu ở 8 tỉnh, thành phố cũng như các báo cáo kết quả nghiên cứu về bạo lực gia đình cho thấy, tình hình bạo lực gia đình xảy ra khá nhiều ở mọi

vùng miền và ở các nhóm đối tượng. Kết quả khảo sát còn cho thấy⁵, bên cạnh tình trạng bạo lực gia đình khá phổ biến giữa vợ và chồng, thì tình trạng con cháu ngược đãi, hành hung, thậm chí là giết ông bà, cha mẹ hoặc cha mẹ đối xử tàn tệ với con cái cũng có chiều hướng gia tăng. Hàng ngày, trên phương tiện thông tin đại chúng đã phản ánh tình hình bạo lực gia đình khá bức xúc. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình, trong đó 60% nguyên nhân trực tiếp là do say rượu và mượn rượu. Bên cạnh đó là nguyên nhân do kinh tế khó khăn, ngoại tình, thiếu hiểu biết pháp luật... Tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa là do trong xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giới và tư tưởng gia trưởng (có quyền "đạy bảo" các thành viên yếu thế trong gia đình bằng vũ lực hoặc nhục mạ).

Bạo lực gia đình đã và đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng. Trước hết là vi phạm đến quyền con người, danh dự, nhân phẩm và tính mạng của mỗi cá nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Theo báo cáo của Bộ Công an, trên toàn quốc cứ khoảng 2 đến 3 ngày lại có 1 người bị giết có liên quan đến bạo lực gia đình. Bạo lực gia đình làm xói mòn đạo đức, mất tính dân chủ xã hội và ảnh hưởng xấu đến thế hệ tương lai. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhiều gia đình thế hệ con cháu đã lặp lại hành vi bạo lực gia đình mà khi còn nhỏ chúng được chứng kiến. Bạo lực gia đình đang là nguy cơ gây tan vỡ và suy giảm sự bền vững của gia đình Việt Nam. Theo Báo cáo của Viện Khoa học xét xử, Tòa án nhân dân tối cao, tại 42 tỉnh trong 5 năm (2000 - 2005) Tòa án nhân dân tỉnh đã xét xử 10.608 vụ án hôn nhân và gia đình, trong đó 42% vụ án li hôn có nguyên nhân từ bạo lực gia đình. Ngoài hậu quả về xã hội, đạo đức và sự bền vững của gia đình, bạo lực gia đình còn gây ra những hậu quả xấu về kinh tế như chi phí chăm sóc và phục hồi sức khoẻ nạn nhân, chi phí điều tra, truy tố, xét xử cùng nhiều chi phí gián tiếp khác liên

⁴ Xem thêm: Nguyễn Chí Công, "Bước đầu tìm hiểu về chính sách hình sự đối với phụ nữ trong pháp luật Việt Nam hiện hành", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 5/2005), tr. 4-10.

⁵ Xem thêm: Nguyễn Ngọc Bình, "Đặc điểm tội phạm học của tội phạm có sử dụng bạo lực ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (số 5/2006), tr. 63-67.

quan đến tình trạng bệnh tật, mất khả năng tham gia lao động sản xuất của nạn nhân.

2. Các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

2.1. Pháp luật hình sự loại trừ quan niệm và phong tục tập quán lạc hậu nhằm bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ

Nhận thức rõ tác hại của các quan niệm và phong tục tập quán lạc hậu đối với việc thực hiện quyền bình đẳng của người phụ nữ, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã đề ra nhiều biện pháp khắc phục tích cực. Về đường lối phát triển văn hoá Việt Nam, Hiến pháp 1992 khẳng định cả hai mặt bảo tồn, phát triển nền văn hoá Việt Nam dân tộc, hiện đại, nhân văn và chống truyền bá tư tưởng và văn hoá phản động, đồi trụy, bài trừ mê tín, hủ tục⁶. Bộ luật Dân sự năm 2005 một lần nữa khẳng định nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo đảm an toàn thân thể, danh dự và nhân phẩm của mọi công dân...⁷.

Về biện pháp pháp luật, các dự thảo luật mới và sửa đổi đều quán triệt nguyên tắc: tôn trọng và phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp, tiến tới xoá bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, trái với các quy định của pháp luật. Các hủ tục lạc hậu như: tảo hôn, thách cưới, các hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng... đã được xử lý tương đối nghiêm khắc. Để thực hiện nhiệm vụ này, Bộ luật Hình sự năm 1999 đã dành hẳn một chương (Chương 25: Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình) nhằm trừng trị những hành vi, quan niệm và phong tục, tập quán lạc hậu; đó là: hành vi cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng; hành vi tổ chức tảo hôn; hành vi tảo hôn; hành vi loạn luân; hành vi ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con,

cháu, người có công nuôi dưỡng mình⁸.

Có thể nói, dưới tác động của biện pháp pháp lí hình sự, quan niệm xã hội đã có nhiều tiến bộ, nhận thức lệch lạc về giới đã được khắc phục, phong tục tập quán xấu như cưỡng ép kết hôn; cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; tảo hôn; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình... đã ngày càng giảm bớt.

2.2. Pháp luật hình sự đấu tranh phòng, chống hành vi mua bán và xâm phạm nhân phẩm của người phụ nữ

Việt Nam tuy không có bộ luật riêng để trừng trị những hành vi mua bán và xâm phạm nhân phẩm của người phụ nữ, nhưng có nhiều văn bản pháp luật, đặc biệt là Bộ luật Hình sự quy định đường lối xử lý rất nghiêm khắc đối với những hành vi phạm tội nguy hiểm này tại các điều 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 254, 255, 256... Theo đó: 1) Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù tối thiểu là hai năm, tối đa là tử hình; 2) Người nào hiếp dâm trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù tối thiểu là bảy năm, tối đa là tử hình; 3) Người nào đã thành niên mà có hành vi dâm ô đối với trẻ em, thì bị phạt tù tối thiểu là sáu tháng, tối đa là mười hai năm; 4) Người nào mua bán phụ nữ thì bị phạt tù tối thiểu là hai năm, tối đa là hai mươi năm; 5) Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù tối thiểu là một năm, tối đa là tù chung thân; 6) Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù tối thiểu là sáu tháng, tối đa là hai mươi năm; 7) Người nào mua dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù tối thiểu là một năm, tối đa là mười lăm năm. Ngoài ra, người phạm những tội trên còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm; phạt tiền từ năm

⁶ Xem thêm: Nxb. Chính trị quốc gia, *Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992)*, Hà Nội, 1995.

⁷ Xem thêm: Nxb. Chính trị quốc gia, *Bộ luật Dân sự Việt Nam*, Hà Nội, 2005.

⁸ Xem thêm: Nxb. Chính trị quốc gia, *Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 2000.

triệu đồng đến năm mươi triệu đồng; phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...⁹. Các quy định này đã thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước Việt Nam là trừng trị nghiêm những hành vi mua bán và xâm phạm nhân phẩm của người phụ nữ, bảo vệ sự lành mạnh của môi trường xã hội Việt Nam và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

2.3. Pháp luật hình sự quy định những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, những tình tiết tăng nặng định khung và những tình tiết định tội nhằm trừng trị nghiêm những người có hành vi bạo lực đối với phụ nữ

Theo quy định của Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhằm trừng trị nghiêm những người có hành vi bạo lực đối với phụ nữ được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 “phạm tội đối với phụ nữ có thai”. Tình tiết tăng nặng định khung nhằm trừng trị nghiêm những người có hành vi bạo lực đối với phụ nữ được quy định tại: điểm b khoản 1 Điều 93 “giết phụ nữ mà biết là có thai” (người nào giết người thuộc trường hợp này có thể bị xử phạt đến tử hình; bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm); điểm d khoản 1, 2, 3, 4 Điều 104 “có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe phụ nữ đang có thai” (người phạm tội trong trường hợp này có thể bị xử phạt đến tù chung thân); điểm a khoản 1 Điều 110 “đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình là phụ nữ có thai” (người phạm tội trong trường hợp này có thể bị xử phạt đến ba năm tù); điểm b khoản 2 Điều 254 (tội chứa mại dâm) “cưỡng bức mại dâm” (người phạm tội trong trường hợp này có thể bị xử phạt đến mười lăm năm tù; bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm)...

Tình tiết định tội nhằm trừng trị nghiêm những người có hành vi bạo lực đối với phụ

nữ được quy định tại: Điều 100. Tội bức tử; Điều 110. Tội hành hạ người khác; Điều 111. Tội hiếp dâm; Điều 112. Tội hiếp dâm trẻ em; Điều 113. Tội cưỡng dâm; Điều 114. Tội cưỡng dâm trẻ em; Điều 116. Tội dâm ô đối với trẻ em; Điều 121. Tội làm nhục người khác; Điều 130. Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ; Điều 146. Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; Điều 151. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình...

3. Quan điểm và kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực¹⁰

3.1. Một số quan điểm về các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

* *Quan điểm khác nhau về lỗi của người phạm tội bức tử*: Điều 100 Bộ luật Hình sự quy định: Tội bức tử là hành vi đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát. Với quy định này, hầu hết các nhà khoa học Luật Hình sự đều nhất trí cho rằng hành vi của Tội bức tử¹¹ “đối xử tàn ác với nạn nhân có thể là đánh đập, gây đau đớn về thể xác, cho ăn đói, mặc không đủ ấm...; thường xuyên ức hiếp, ngược đãi là sự đối xử bất công, tàn nhẫn... trái với luân lý, đạo đức con người; làm nhục có thể là chửi bới, lăng mạ, xỉ nhục... gây tổn hại nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của người bị lệ thuộc”. Tuy nhiên, về dấu hiệu lỗi của Tội bức tử thì chưa có sự thống nhất. Có quan điểm cho

¹⁰ Lê Cẩm chủ biên, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 140-162.

¹¹ Xem thêm:

- Võ Khánh Vinh chủ biên, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 85-87.

- Lê Cẩm chủ biên, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 116-118.

- Khổng Văn Hà chủ biên, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Tập I, Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ môn Pháp luật, Hà Nội, 2005, tr. 59-61.

⁹ Xem thêm: Nxb. Chính trị quốc gia, *Bộ luật Hình sự Việt Nam*, Hà Nội, 2000.

ràng, “Tôi bức tử được thực hiện do lỗi cố ý gián tiếp hoặc lỗi vô ý vì quá tự tin; nếu người phạm tội mong muốn nạn nhân tự sát khi thực hiện hành vi phạm tội của mình thì hành vi của họ không còn là bức tử mà là hành vi giết người”¹². Quan điểm khác lại cho rằng, “lỗi của người phạm tội bức tử (chỉ) là lỗi cố ý gián tiếp; nếu người phạm tội vô ý gây ra hậu quả tử sự tự sát của người lệ thuộc thì phải xét xử họ về Tội hành hạ người khác, Tội làm nhục người khác hoặc Tội hành hạ, ngược đãi ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cháu... với tình tiết tăng nặng gây hậu quả nghiêm trọng”.

* *Quan điểm khác nhau về chủ thể và hành vi của Tội hiếp dâm:* Điều 111 Bộ luật Hình sự quy định: Tội hiếp dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ. Trên cơ sở quy định này, hầu hết quan điểm cho rằng, “chủ thể của Tội hiếp dâm là chủ thể đặc biệt - nam giới; hành vi khách quan của tội này là hành vi giao cấu trái ý muốn của người phụ nữ bằng thủ đoạn dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được hoặc bằng thủ đoạn khác”¹³. Tuy nhiên, cũng có quan điểm không đồng tình khi cho rằng, “chủ thể của Tội hiếp dâm là chủ thể thường - nam hoặc nữ có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định; hành vi khách quan của Tội này là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình

trạng không thể tự vệ được hoặc hành vi khác và hành vi giao cấu trái ý muốn của nạn nhân”¹⁴. Cũng có quan điểm tuy đồng ý chủ thể của Tội hiếp dâm là chủ thể thường - nam hoặc nữ có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định; nhưng lại cho rằng, hành vi khách quan của Tội này là hành vi giao cấu trái ý muốn hoặc không có ý muốn của nạn nhân bằng một trong các thủ đoạn: dùng vũ lực; đe dọa dùng vũ lực; lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân; lợi dụng tình trạng không thể biểu lộ được ý chí của nạn nhân; tạo ra tình trạng không thể tự vệ được hoặc không thể biểu lộ được ý chí ở nạn nhân...

* *Quan điểm khác nhau về áp dụng tình tiết phạm tội đối với phụ nữ (mà biết) là đang có thai:* hiện nay còn nhiều ý kiến khác nhau về tình tiết “phạm tội đối với phụ nữ có thai”. Có ý kiến cho rằng, chỉ áp dụng tình tiết này trong trường hợp người phạm tội biết nạn nhân đang có thai, nếu nạn nhân tuy có thai, nhưng người phạm tội không biết thì không áp dụng tình tiết này. Để áp dụng thống nhất tình tiết “phạm tội đối với phụ nữ có thai”, Mục 2, Mục 5 và Mục 10 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn như sau: “Chỉ áp dụng tình tiết “phạm tội đối với phụ nữ có thai...” trong những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là phụ nữ có thai. Phụ nữ có thai được xác định bằng các chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Trong trường hợp thực tế khó nhận biết được người phụ nữ đó đang có thai hay không hoặc giữa lời khai của bị cáo và người bị hại về việc này có mâu thuẫn với nhau thì để xác định

¹² Xem thêm: Võ Khánh Vinh chủ biên, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 85-87.

- Lê Cẩm chủ biên, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 116-118.

- Không Văn Hà chủ biên, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Tập 1, Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ môn Pháp luật, Hà Nội, 2005, tr. 59-61.

¹³ Xem thêm: Võ Khánh Vinh chủ biên, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 115-121.

- Lê Cẩm chủ biên, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 142-146.

¹⁴ Xem thêm: Không Văn Hà chủ biên *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Tập 1, Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ môn Pháp luật, Hà Nội, 2005, tr. 79-82.

người phụ nữ đó có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định". Tuy nhiên, hướng dẫn trên của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo chúng tôi là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 93, vì điểm b khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự quy định rõ, chỉ áp dụng tình tiết này khi người phạm tội biết nạn nhân đang có thai.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về bạo lực và phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực

Trong thế giới hiện đại, việc ghi nhận và bảo đảm thực thi các quyền của phụ nữ đã trở thành vấn đề trung tâm và là mục tiêu của sự phát triển; giải phóng phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới và ngăn chặn bạo lực đối với phụ nữ là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Xuất phát từ quan điểm đó, để góp phần bảo vệ phụ nữ khỏi những hành vi bạo lực, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị sau đây: trước hết cần sửa đổi Bộ luật Hình sự, nhất là đối với các Tội bức tử, hành hạ người khác, làm nhục người khác, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình, hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em, dâm ô đối với trẻ em... theo hướng: 1) Quy định rõ chủ thể của các Tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em, dâm ô đối với trẻ em theo hướng chủ thể của các tội phạm này là bất cứ người nào...; 2) Quy định rõ lỗi của người phạm Tội bức tử chỉ là lỗi cố ý gián tiếp; nếu cố ý trực tiếp thì phải xử về Tội giết người; nếu vô ý thì xử về Tội hành hạ người khác, làm nhục người khác, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình với tình tiết tăng nặng định khung "gây hậu quả nghiêm trọng"; 3) Sửa đổi Điều 9, Điều 10 Bộ luật Hình sự theo hướng quy định rõ từng hình thức lỗi (khoản 1 Điều 9. Lỗi cố ý trực tiếp; khoản 2 Điều 9. Lỗi cố ý gián tiếp; khoản 1 Điều 10. Lỗi vô ý vì quá tự tin; khoản 2 Điều 10. Lỗi vô ý vì cấu thả); 4) Sửa Điều 151 theo hướng bỏ dấu hiệu "gây hậu quả

nghiêm trọng" trong cấu thành cơ bản của tội phạm này; 5) Thống nhất quy định "phạm tội đối với phụ nữ có thai" theo hướng: bỏ từ "mà biết" trong quy định tại Điều 93 Bộ luật Hình sự; bỏ từ "đang" trong quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự... 6) Quy định rõ hành vi và thủ đoạn phạm tội trong các Tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em theo hướng: hiếp dâm là hành vi giao cấu trái ý muốn hoặc không có ý muốn của nạn nhân bằng thủ đoạn...; cưỡng dâm là hành vi giao cấu có sự miễn cưỡng đồng ý của nạn nhân bằng thủ đoạn... Thứ hai cần bổ sung Bộ luật Hình sự, nhất là các cấu thành tăng nặng của các Tội hành hạ người khác, làm nhục người khác, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình theo hướng: bổ sung tình tiết tăng nặng định khung "gây hậu quả nghiêm trọng" trong Tội hành hạ người khác và làm nhục người khác; bổ sung cấu thành tăng nặng của tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình, trong đó có quy định tình tiết tăng nặng định khung "gây hậu quả nghiêm trọng". Thứ ba cần tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng Luật Hình sự, nhất là đường lối xử lý hành vi phạm các Tội hành hạ người khác, làm nhục người khác, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình gây hậu quả nghiêm trọng; hành vi phạm tội đối với phụ nữ có thai...

Những kiến nghị sửa đổi, bổ sung, tăng cường giải thích và hướng dẫn Bộ luật Hình sự liên quan đến các hành vi bạo lực đối với phụ nữ như đã nêu trên nếu được thực hiện sẽ góp phần thống nhất trong nhận thức và áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự, khắc phục các quan điểm khác nhau hiện nay về lỗi của người phạm Tội bức tử; về chủ thể và hành vi phạm Tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em; về đường lối xử lý hành vi phạm các Tội hành hạ người khác, làm nhục người khác, ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi

(Xem tiếp trang 83)